

Số: 1597/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 14 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Y tế/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị y tế khác tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1251/SYT-VP ngày 12 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 196 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Y tế/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị y tế khác tỉnh Bình Dương. Cụ thể:

- 169 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;
- 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- 22 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị y tế khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 05/4/2016, Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 07/7/2016, Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 20/10/2016, Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 và Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 18/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố



thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị y tế khác trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KSTT, VX, Website;
- Trung tâm Hành chính công;
- Lưu: VT, Hiếu.

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN/ỦY BAN
NHÂN DÂN CẤP XÃ VÀ CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ KHÁC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH


A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC CẤP TỈNH.

STT	SỐ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG			1
1.	1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	1
2.	2	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	5
3.	3	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Quyết định 11/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	8
4.	4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Quyết định 11/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	11
5.	5	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	14
6.	6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền sở Y tế	19
7.	7	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	22
8.	8	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5	24


		Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	
9.	9	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	27
10.	10	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	30
11.	11	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với Thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	34
II. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA			40
12.	1	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính	40
13.	2	Khám GDYK lần đầu đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	42
14.	3	Khám GDYK đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đã được công nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012.	47
15.	4	Khám GDYK lần đầu đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	52
16.	5	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học	63
17.	6	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động	66

18.		Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	71
19.		Giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	74
20.		Giám định để thực hiện chế độ tử tuất	80
21.	10	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.	84
22.	11	Giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.	87
23.	12	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	91
24.	13	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	97
25.	14	Khám giám định tổng hợp	101
26.	15	Giám định khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	105
27.	16	Giám định để hưởng trợ cấp mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)	108
28.	17	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc Trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện	113
29.	18	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	116
30.	19	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	119
31.	20	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	122
32.	21	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	125
III. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH			128
33.	1	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.	128
34.	2	Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y	131

		ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, được tư thực trên địa bàn quản lý.	
35.		Cấp tập đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	133
36.	4	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	144
37.	5	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	148
38.	6	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	153
39.	7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	156
40.	8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	159
41.	9	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	164
42.	10	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	178
43.	11	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	188
44.	12	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	198
45.	13	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	208
46.	14	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	219
47.	15	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn	228



		điện trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
48.		Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	237
49.		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đēm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	246
50.	18	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	256
51.	19	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	265
52.	20	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	274
53.	21	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-quang thuộc thẩm quyền của Sở y tế.	283
54.	22	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ	293
55.	23	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage)	297
56.	24	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	301
57.	25	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	310
58.	26	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	319
59.	27	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	326
60.	28	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	330
61.	29	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	334
62.	30	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	337
63.	31	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	340
64.	32	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	341

65.		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	343
66.		Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	355
67.	35	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	358
68.	36	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trước ngày 01/01/2016	360
69.	37	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016	364
70.	38	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	368
71.	39	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	373
72.	40	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	383
73.	41	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	393
74.	42	Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã	403
75.	43	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	413
76.	44	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	422
77.	45	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa	425


		Khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
78.		Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	431
79.	47	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	438
80.	48	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	445
81.	49	Cho phép đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	454
82.	50	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	462
83.	51	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	476
84.	52	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	486
85.	53	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	500
86.	54	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	510
87.	55	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	519
88.	56	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	528
89.	57	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	538

90.		Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	546
91.		Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	555
92.	60	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	563
93.	61	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	572
94.	62	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	581
95.	63	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	588
96.	64	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	598
97.	65	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	605
98.	66	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	608
99.	67	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	611
100.	68	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	621
101.	69	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	631

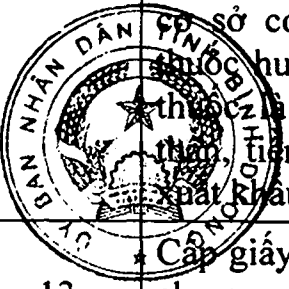
102.		Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	636
103.	71	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	639
104.	72	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	644
105.	73	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	647
106.	74	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	651
107.	75	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	656
108.	76	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	659
109.	77	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT	664
110.	78	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	668
IV. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			674
111.	1	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	674
112.	2	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	678
113.	3	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	682
114.	4	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	686
115.	5	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	690
116.	6	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	692
117.	7	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị	701


		nguyên chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	
118.		Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	703
119.	9	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	709
120.	10	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	711
121.	11	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	716
122.	12	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng	720
123.	13	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	722
124.	14	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	727
125.	15	Duyệt dự trữ và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	731
126.	16	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	732
V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ			741
127.	1	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh/ thành phố	741
VI. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ			743
128.	1	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	743
129.	2	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	750
VII. LĨNH VỰC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ			752
130.	1	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	752
131.	2	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	759

132.		Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	769
VIII. LĨNH VỰC MỸ PHẨM			773
133.		Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm	773
134.	2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	776
135.	3	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	777
136.	4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	778
137.	5	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	783
138.	6	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	786
139.	7	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	789
140.	8	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm	792
141.	9	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	793
IX. LĨNH VỰC ĐÀO TẠO			798
142.	1	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	798
X. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM			802
143.	1	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	802
144.	2	Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	806
145.	3	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	810
146.	4	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược	819



		Đi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	
147.		Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	824
148.	6	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	827
149.	7	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	830
150.	8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược nhưng thay đổi loại hình cơ sở kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược mà làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	836
151.	9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	842
152.	10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	846
153.	11	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	849
154.	12	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với	852

		 cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	
155.	13	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc phóng xạ	853
156.	14	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực	860
157.	15	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	867
158.	16	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	871
159.	17	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	878
160.	18	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	880
161.	19	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	883
162.	20	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	887
163.	21	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	891
164.	22	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp	894



		Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
165.		Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	897
166.		Thủ tục cấp giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc” (GDP).	901
167.	25	Thủ tục đánh giá việc duy trì đáp ứng “Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc” (GDP)	907
168.	26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP).	910
169.	27	Thủ tục đánh giá việc duy trì đáp ứng “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP).	914

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH.



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG		917
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	917
2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	920
3	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn uống được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 7 Quyết định 11/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	922
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 7 Quyết định 11/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương	925

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		928
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	928

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ.



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
I. LĨNH VỰC DAN SƠ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		930
1	1 Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	930
2	2 Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh	932
3	3 Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	934
II. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA		936
4	1 Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.	936
5	2 Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.	939
6	3 Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi	942
III. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH		944
7	1 Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	944
8	2 Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	950
9	3 Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	955
10	4 Khám sức khỏe định kỳ	964
11	5 Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I	970
12	6 Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định tại Phụ lục số I nhưng mắc một hoặc một số bệnh, tật quy định tại Phụ lục số II	978

13	7	Khám sức khoẻ định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	986
14	8	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khoẻ thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam	993
IV. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG			1016
15	1	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng	1016
16	2	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	1019
17	3	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng	1022
18	4	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	1025
19	5	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	1027
20	6	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám, chữa bệnh	1029
21	7	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà	1032
V. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH Y TẾ			1035
22	1	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) ngoài công lập.	1035